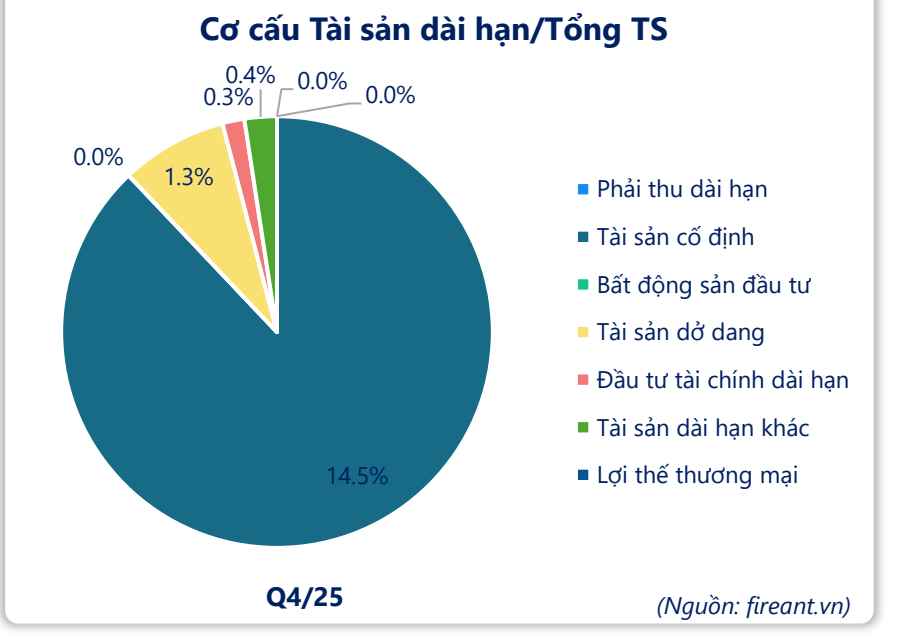
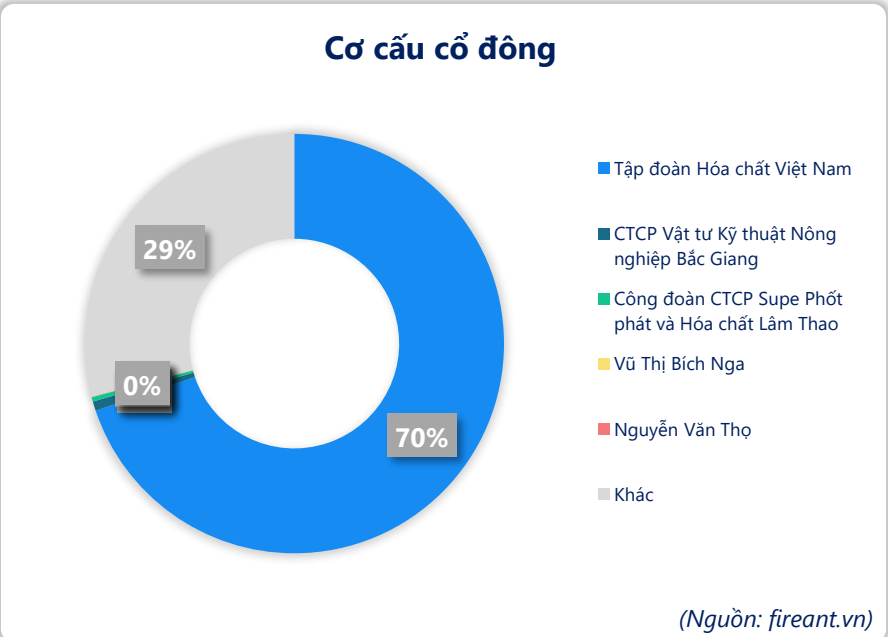
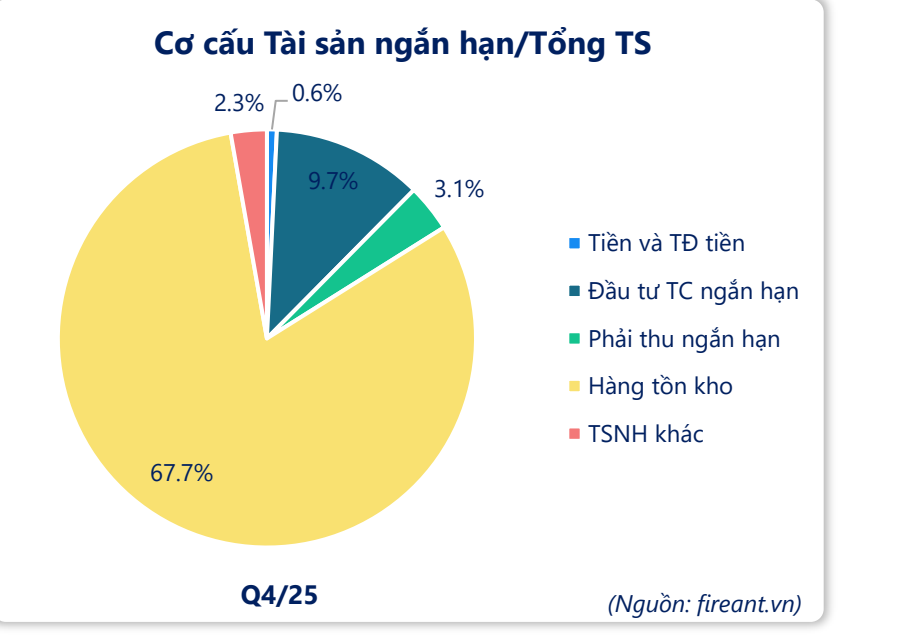
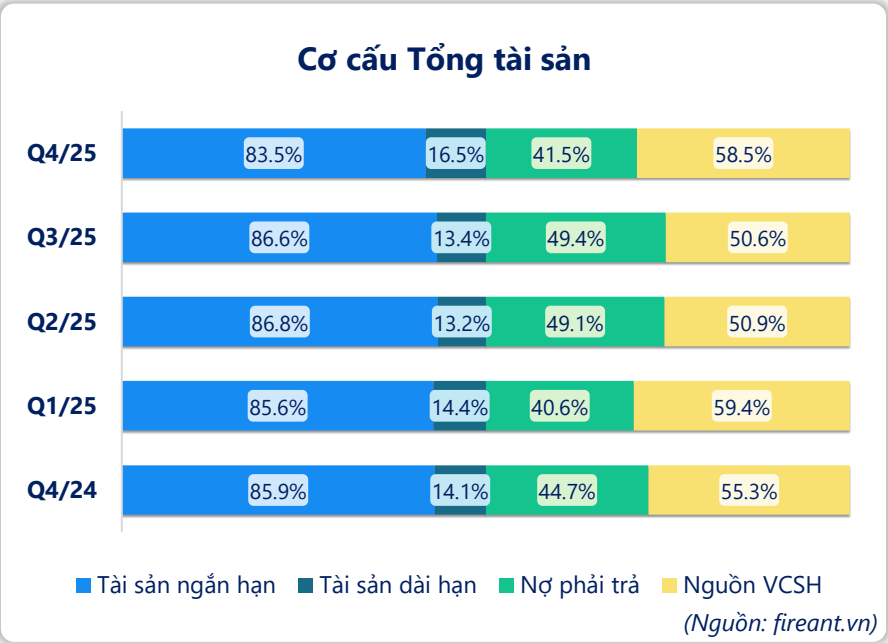
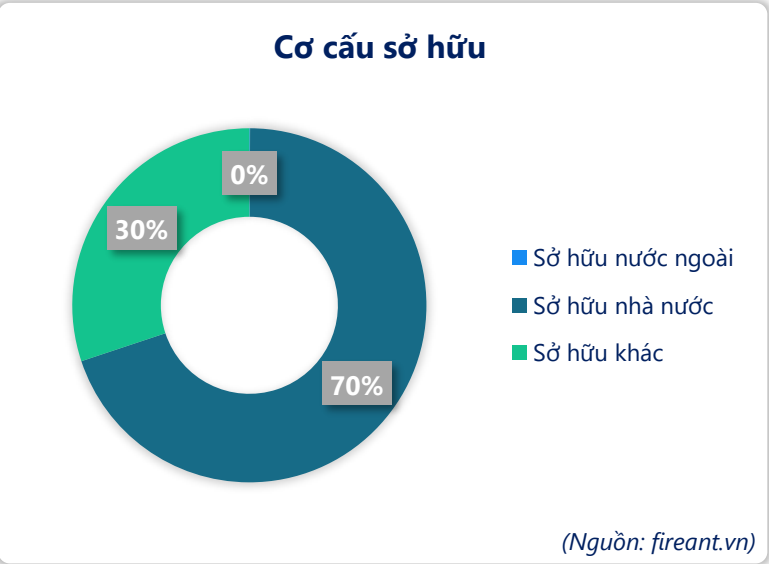
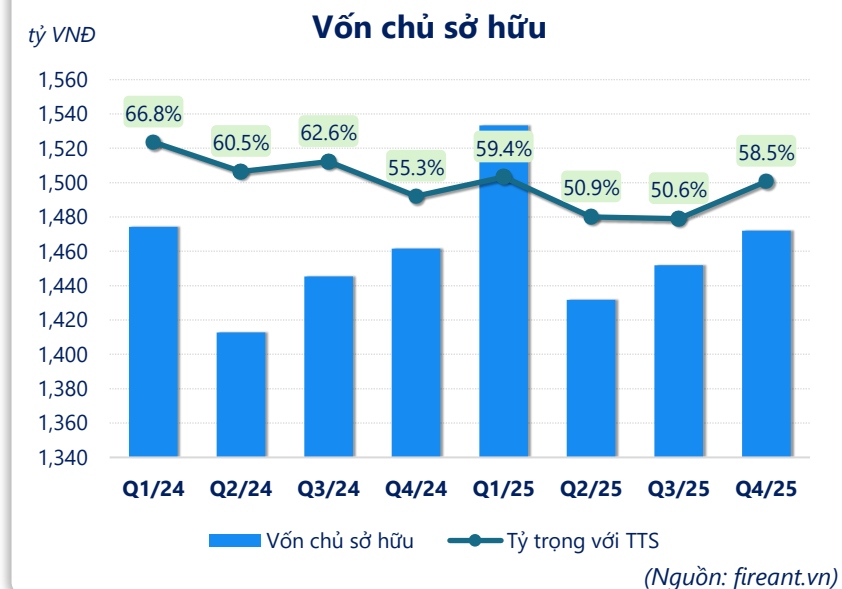
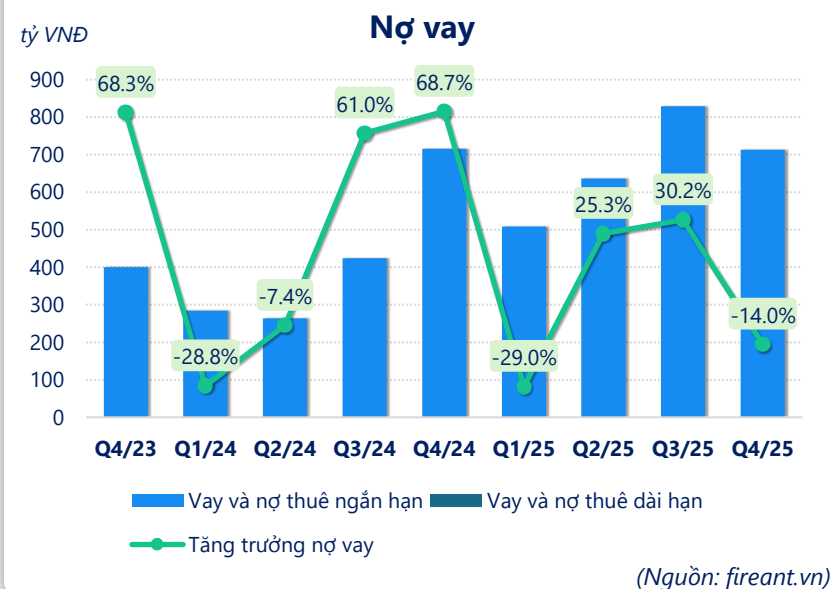
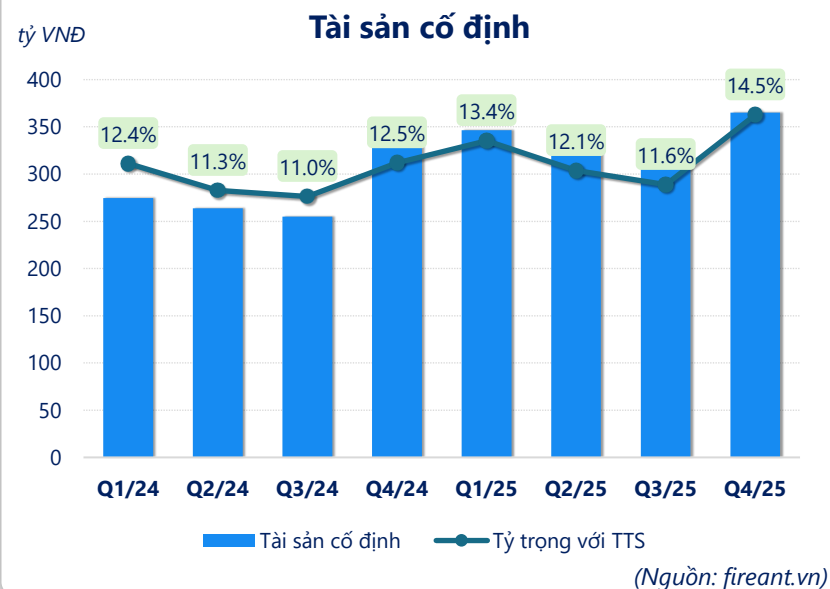
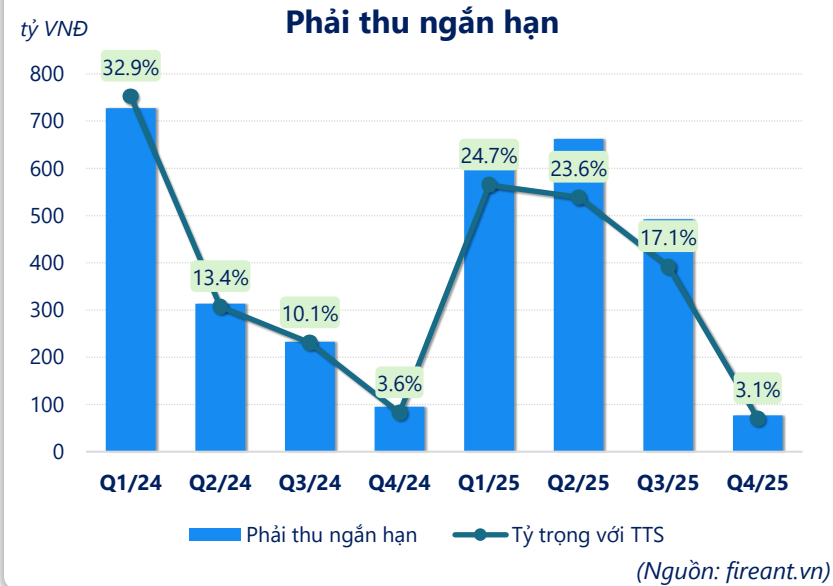
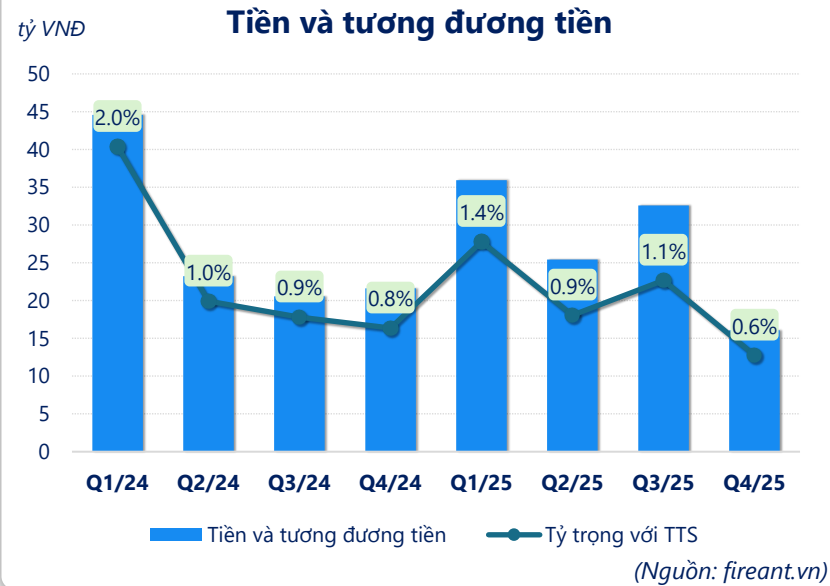
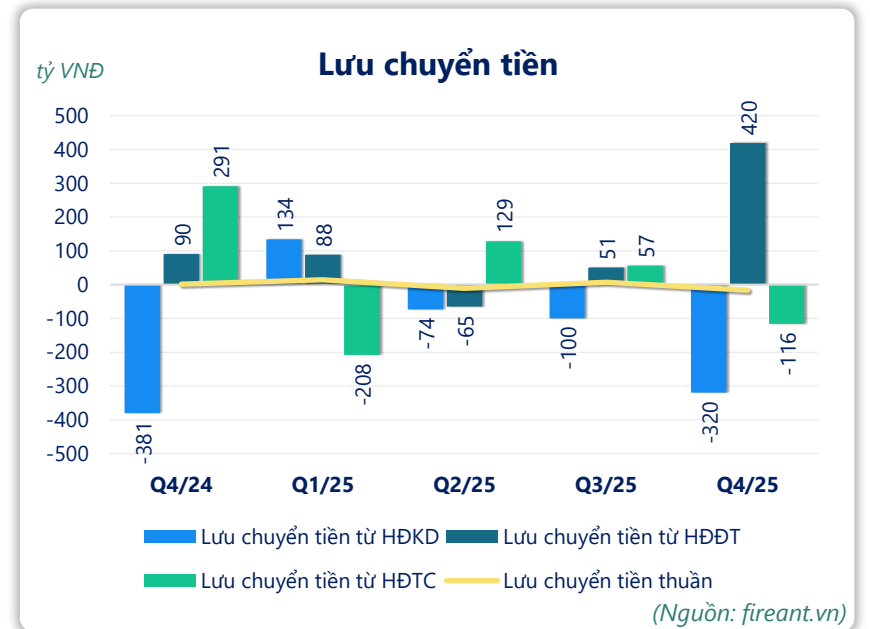
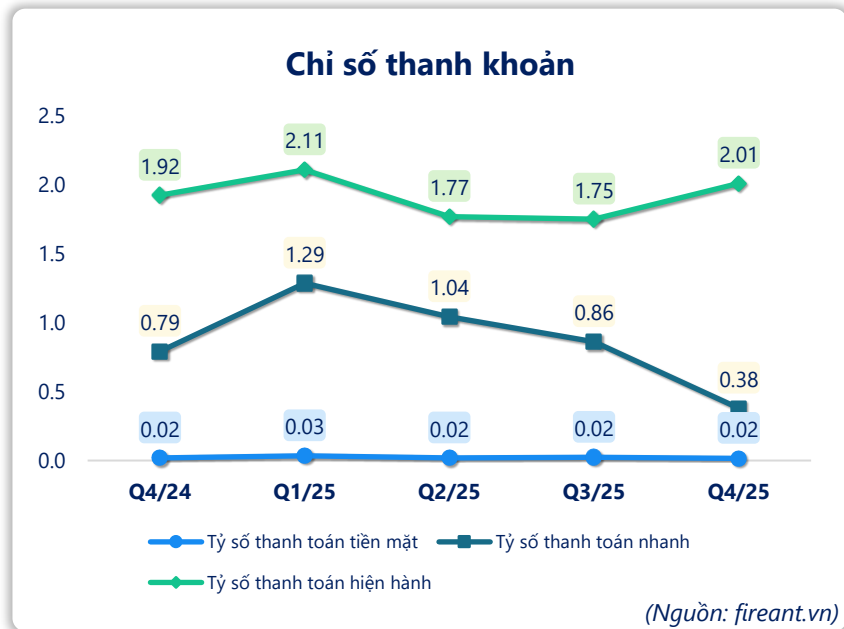
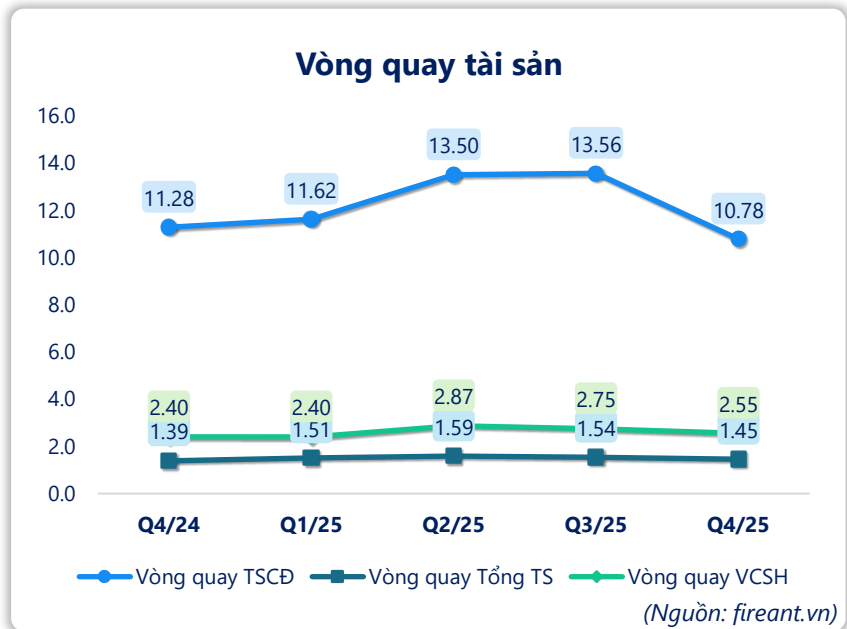
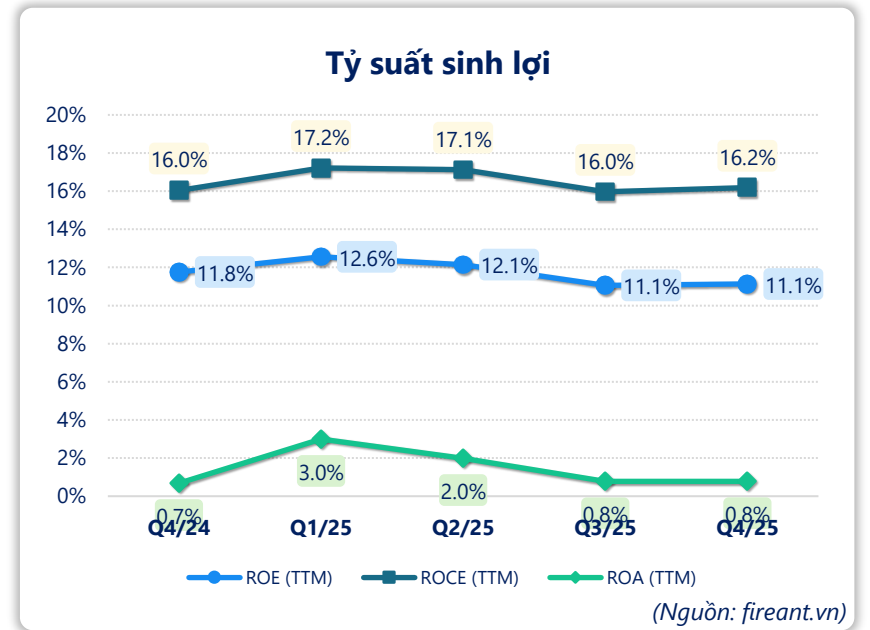
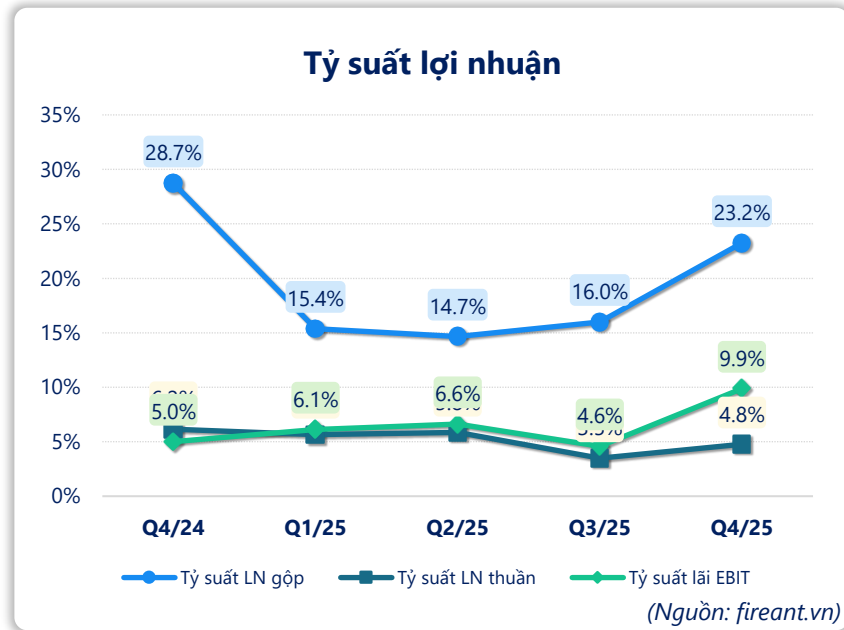
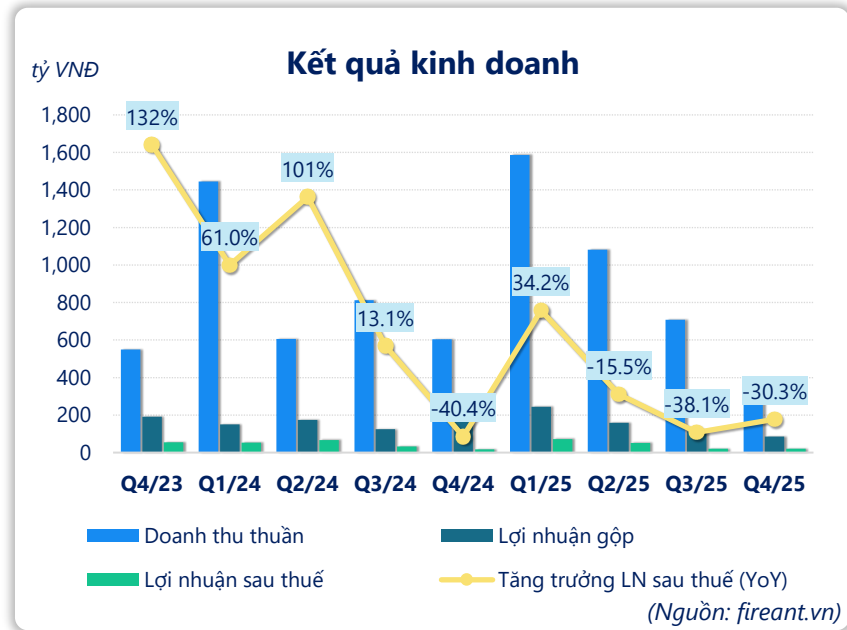


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		15,700
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		22,063
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		12,026
SL cổ phiếu LH		112,856,400
KLGD BQ 20 phiên (CP)		157,455
% sở hữu nước ngoài		0.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		1,772
P/E		10.9
EPS		1,447

	YTD	1T	3T	6T
LAS	-22.9%	-6.0%	-12.3%	-25.9%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	2,518	2,643	-4.7%
Tài sản ngắn hạn	2,102	2,271	-7.4%
Tiền và tương đương tiền	16.1	21.6	-25.6%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	245	815	-69.9%
Phải thu ngắn hạn	77.1	95.2	-19.1%
Hàng tồn kho	1,706	1,336	27.7%
Tài sản ngắn hạn khác	58.6	3.60	1528%
Tài sản dài hạn	415	371	11.8%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	365	330	10.8%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	33.2	23.1	43.9%
Đầu tư tài chính dài hạn	6.84	6.84	0.0%
Tài sản dài hạn khác	10.1	11.8	-15.2%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1,046	1,181	-11.5%
Nợ ngắn hạn	1,046	1,181	-11.5%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	713	716	-0.4%
Phải trả người bán ngắn hạn	173	265	-34.8%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,472	1,461	0.7%
Vốn chủ sở hữu	1,472	1,461	0.7%
Vốn điều lệ	1,129	1,129	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	604	1,586	1,082	708	368
Giá vốn hàng bán	431	1,342	923	595	283
Lợi nhuận gộp	173	244	159	113	85.5
Doanh thu HĐTC	11.5	5.75	12.1	3.39	16.1
Chi phí TC	6.45	7.37	6.03	7.45	10.9
Chi phí lãi vay	4.92	7.34	5.99	7.38	10.4
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	64.2	61.4	42.2	40.7	36.1
Chi phí QLDN	77.1	91.1	59.2	43.8	37.0
LN thuần từ HĐKD	37.2	89.7	63.3	24.7	17.5
Lợi nhuận khác	-11.8	0.03	2.30	0.37	8.41
LN trước thuế	25.4	89.7	65.6	25.1	25.9
Lợi nhuận sau thuế	17.1	71.8	51.3	20.1	20.1
LNST của CĐ cty mẹ	17.1	71.8	51.3	20.1	20.1

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-381	134	-73.9	-100	-320
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	90.1	88.4	-65.2	50.6	420
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	291	-208	129	56.7	-116
Tiền đầu kỳ	20.6	21.6	35.9	25.4	32.6
Lưu chuyển tiền thuần	1.04	14.3	-10.5	7.18	-16.5
Ảnh hưởng tỷ giá	0.01	0	0	0	0.00
Tiền cuối kỳ	21.6	35.9	25.4	32.6	16.1

(Nguồn: fireant.vn)